

**Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển  
Công nghệ Điện tử Viễn thông**

Báo cáo tài chính riêng

Ngày 31 tháng 12 năm 2017



# Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Công nghệ Điện tử Viễn thông

## MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1 - 2
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	3
Báo cáo kiểm toán độc lập	4 - 5
Bảng cân đối kế toán riêng	6 - 7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng	9 - 10
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng	11 - 42

22-  
T  
H  
YC  
NA  
IAP  
I  
T

# Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Công nghệ Điện tử Viễn thông

## THÔNG TIN CHUNG

### CÔNG TY

Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Công nghệ Điện tử Viễn thông ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh Nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 0101435127 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu vào ngày 18 tháng 7 năm 2003 và các Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh điều chỉnh sau đó, với lần điều chỉnh gần nhất là lần thứ 20 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 30 tháng 5 năm 2017.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là:

- ▶ Sản xuất phần mềm máy tính, chuyển giao công nghệ thông tin, lắp đặt các hệ thống, dây chuyền công nghệ cao;
- ▶ Tư vấn các hệ thống thông tin, hệ thống tự động hóa và các hệ thống điện tử viễn thông;
- ▶ Dịch vụ thông tin giải trí với phát thanh, truyền hình, báo chí;
- ▶ Dịch vụ cho thuê văn phòng, cho thuê nhà phục vụ các mục đích kinh doanh, cho thuê tài sản; và
- ▶ Các hoạt động khác theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh.

Công ty có trụ sở chính tại tòa nhà Elcom, Phố Duy Tân, Phường Dịch Vọng Hậu, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội.

Công ty có các Chi nhánh và Văn phòng đại diện sau:

- ▶ Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh tại 162/12 Đường Bình Lợi, Phường 13, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh;
- ▶ Văn phòng đại diện Tây Hồ tại biệt thự số 41, khu biệt thự Tây Hồ - số 10, Phố Đặng Thai Mai, Quận Tây Hồ, Hà Nội; và
- ▶ Văn phòng đại diện Đà Nẵng tại tầng 5, tòa nhà Lighthouse, 1254 Xô Viết Nghệ Tĩnh, phường Hòa Cường Nam, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng.

### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Phan Chiến Thắng	Chủ tịch	
Ông Trần Hùng Giang	Thành viên	
Ông Nguyễn Mạnh Hải	Thành viên	
Ông Ngô Ngọc Hà	Thành viên	
Ông Nguyễn Đức Thiện	Thành viên	
Ông Nguyễn Khắc Hải	Thành viên	
Bà Lê Thị Lệ Hằng	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 5 tháng 2 năm 2018

### BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Duy Hưng	Trưởng Ban	Miễn nhiệm ngày 5 tháng 2 năm 2018
Bà Hoàng Thị Phương Thúy	Thành viên	
Bà Vũ Thị Ngân Hà	Thành viên	

# Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Công nghệ Điện tử Viễn thông

THÔNG TIN CHUNG (tiếp theo)

## **BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Phan Chiến Thắng	Tổng Giám đốc	
Ông Trần Hùng Giang	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Nguyễn Mạnh Hải	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Phạm Minh Thắng	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Ngô Ngọc Hà	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 1 tháng 12 năm 2017
Ông Nguyễn Hoàng Minh	Phó Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 1 tháng 12 năm 2017

## **NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT**

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này là Ông Phan Chiến Thắng, Tổng Giám đốc.

## **KIỂM TOÁN VIÊN**

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

# Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Công nghệ Điện tử Viễn thông

## BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Công nghệ Điện tử Viễn thông (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017.

### TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng của Công ty trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính riêng này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính riêng; và
- ▶ lập báo cáo tài chính riêng trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính riêng của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính riêng kèm theo.

### CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính riêng kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2017, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



Tổng Giám đốc  
Phan Chiến Thắng

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 26 tháng 3 năm 2018



Building a better  
working world

Ernst & Young Vietnam Limited  
8th Floor, CornerStone Building  
16 Phan Chu Trinh Street  
Hoan Kiem District  
Hanoi, S.R. of Vietnam

Tel : + 84 24 3831 5100  
Fax: + 84 24 3831 5090  
ey.com

Số tham chiếu: 61141397/18956583

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Các cổ đông của Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Công nghệ Điện tử Viễn thông**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính riêng kèm theo của Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Công nghệ Điện tử Viễn thông ("Công ty") được lập ngày 26 tháng 3 năm 2018 và được trình bày từ trang 6 đến trang 42, bao gồm bảng cân đối kế toán riêng vào ngày 31 tháng 12 năm 2017, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính riêng kèm theo.

### *Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc*

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng của Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### *Trách nhiệm của Kiểm toán viên*

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính riêng của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

NS  
VI  
CH  
T  
/k



# EY

Building a better  
working world

## Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính riêng của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

## Vấn đề cần nhấn mạnh

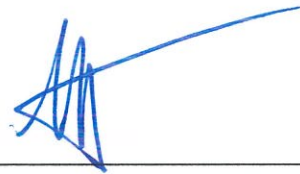
Chúng tôi xin lưu ý đến Thuyết minh số 2.1 của báo cáo tài chính riêng. Công ty đã lập báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất này và báo cáo kiểm toán độc lập của chúng tôi đề ngày 26 tháng 3 năm 2018 đã đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần.

Ý kiến kiểm toán của chúng tôi không liên quan đến vấn đề cần nhấn mạnh này.

## Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam



  
Trần Phú Sơn  
Phó Tổng Giám đốc  
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 0637-2018-004-1



Trịnh Xuân Hòa  
Kiểm toán viên  
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 0754-2018-004-1

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 26 tháng 3 năm 2018

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG  
ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm (Phân loại lại)
<b>100</b>	<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>671.977.068.534</b>	<b>766.422.221.411</b>
<b>110</b>	<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>4</b>	<b>144.200.954.191</b>	<b>93.915.522.599</b>
111	1. Tiền		44.200.954.191	44.962.522.599
112	2. Các khoản tương đương tiền		100.000.000.000	48.953.000.000
<b>120</b>	<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>5</b>	<b>67.295.740</b>	<b>1.451.543.907</b>
121	1. Chứng khoán kinh doanh		67.295.740	4.414.215.740
122	2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh		-	(2.962.671.833)
<b>130</b>	<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>		<b>381.538.852.171</b>	<b>603.555.616.495</b>
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	6.1	261.274.365.887	473.305.124.213
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6.2	41.806.278.285	33.481.817.632
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	7	27.911.650.000	29.500.000.000
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	8	77.515.191.286	92.947.239.547
137	5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	6.1, 7, 8	(26.968.633.287)	(25.678.564.897)
<b>140</b>	<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>9</b>	<b>144.904.436.425</b>	<b>66.498.923.348</b>
141	1. Hàng tồn kho		144.904.436.425	66.498.923.348
<b>150</b>	<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>		<b>1.265.530.007</b>	<b>1.000.615.062</b>
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		511.430.454	479.192.263
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		754.099.553	521.422.799
<b>200</b>	<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>293.734.289.413</b>	<b>321.863.629.804</b>
<b>210</b>	<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>		<b>191.992.500</b>	<b>102.285.000</b>
216	1. Phải thu dài hạn khác		191.992.500	102.285.000
<b>220</b>	<b>II. Tài sản cố định</b>		<b>111.318.205.597</b>	<b>128.520.365.610</b>
221	1. Tài sản cố định hữu hình	10	105.498.876.508	124.381.775.202
222	Nguyên giá		190.109.527.001	212.998.529.746
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(84.610.650.493)	(88.616.754.544)
227	2. Tài sản cố định vô hình	11	5.819.329.089	4.138.590.408
228	Nguyên giá		9.959.639.881	5.479.639.881
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(4.140.310.792)	(1.341.049.473)
<b>240</b>	<b>III. Tài sản dở dang dài hạn</b>		<b>341.791.885</b>	<b>341.791.885</b>
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		341.791.885	341.791.885
<b>250</b>	<b>IV. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>12</b>	<b>181.135.963.955</b>	<b>192.249.579.123</b>
251	1. Đầu tư vào công ty con		49.702.300.000	49.702.300.000
252	2. Đầu tư vào công ty liên kết		17.360.740.000	17.360.740.000
253	3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		133.768.815.457	131.553.815.457
254	4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn		(19.695.891.502)	(6.367.276.334)
<b>260</b>	<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>		<b>746.335.476</b>	<b>649.608.186</b>
261	1. Chi phí trả trước dài hạn		746.335.476	649.608.186
<b>270</b>	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>965.711.357.947</b>	<b>1.088.285.851.215</b>



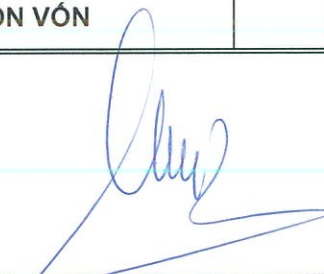
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (tiếp theo)  
ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>300</b>	<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>166.288.242.618</b>	<b>292.523.400.114</b>
<b>310</b>	<b>I. Nợ ngắn hạn</b>		<b>166.288.242.618</b>	<b>265.814.940.438</b>
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	13.1	73.361.122.728	142.827.388.425
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	13.2	11.002.653.065	19.806.233.957
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	14	4.068.573.738	12.959.662.427
314	4. Phải trả người lao động		3.793.520.188	14.266.830.697
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	15	1.742.825.839	5.956.394.656
318	6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn		290.176.000	289.408.000
319	7. Phải trả ngắn hạn khác	16	4.061.102.406	3.160.969.684
320	8. Vay ngắn hạn	17	45.065.710.448	58.281.288.917
321	9. Dự phòng phải trả ngắn hạn	18	12.883.309.413	2.754.592.529
322	10. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	19	10.019.248.793	5.512.171.146
<b>330</b>	<b>II. Nợ dài hạn</b>		-	<b>26.708.459.676</b>
342	1. Dự phòng phải trả dài hạn	18	-	26.708.459.676
<b>400</b>	<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>799.423.115.329</b>	<b>795.762.451.101</b>
<b>410</b>	<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>20</b>	<b>799.423.115.329</b>	<b>795.762.451.101</b>
411	1. Vốn cổ phần		509.282.430.000	465.973.750.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		509.282.430.000	465.973.750.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		88.677.010.000	88.697.010.000
415	3. Cổ phiếu quỹ		(236.900.000)	(1.353.000.000)
418	4. Quỹ đầu tư phát triển		37.410.255.576	35.775.255.576
420	5. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		5.200.000.000	5.200.000.000
421	6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		159.090.319.753	201.469.435.525
421a	- Lợi nhuận chưa phân phối đến cuối năm trước		117.858.553.525	126.067.447.324
421b	- Lợi nhuận chưa phân phối năm này		41.231.766.228	75.401.988.201
<b>440</b>	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>965.711.357.947</b>	<b>1.088.285.851.215</b>



Người lập  
Chu Hồng Hạnh



Kế toán trưởng  
Đặng Thị Thanh Minh




Tổng Giám đốc  
Phan Chiến Thắng

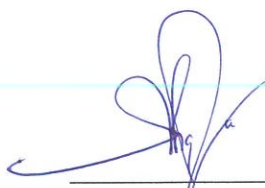
Hà Nội, Việt Nam

Ngày 26 tháng 3 năm 2018

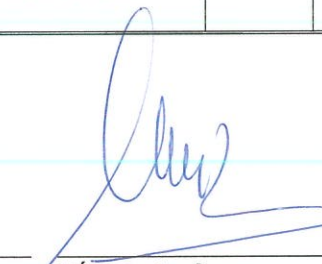
**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG**  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	22.1	522.821.921.667	1.291.632.000.962
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	22.1	-	-
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	22.1	522.821.921.667	1.291.632.000.962
11	4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	23	(398.185.376.688)	(1.021.604.486.572)
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		124.636.544.979	270.027.514.390
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	22.2	10.835.463.236	9.053.269.582
22	7. Chi phí tài chính	24	(12.735.296.878)	(38.082.996.663)
23	- Trong đó: Chi phí lãi vay		(1.815.083.267)	(10.688.468.224)
25	8. Chi phí bán hàng	25	(916.802.002)	(34.537.232.207)
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	(74.279.632.471)	(115.573.733.270)
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		47.540.276.864	90.886.821.832
31	11. Thu nhập khác	26	5.266.731.324	4.003.192.706
32	12. Chi phí khác	26	(586.221.435)	(2.087.274.811)
40	13. Lợi nhuận khác	26	4.680.509.889	1.915.917.895
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		52.220.786.753	92.802.739.727
51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	28.1	(10.989.020.525)	(17.400.751.526)
60	16. Lợi nhuận sau thuế TNDN		41.231.766.228	75.401.988.201



Người lập  
Chu Hồng Hạnh



Kế toán trưởng  
Đặng Thị Thanh Minh




Tổng Giám đốc  
Phan Chiến Thắng

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 26 tháng 3 năm 2018

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG**  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
	<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
01	<b>Lợi nhuận trước thuế</b>		<b>52.220.786.753</b>	<b>92.802.739.727</b>
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình		26.590.770.541	25.923.296.274
03	Các khoản (hoàn nhập dự phòng)/dự phòng		(4.923.731.067)	29.564.250.528
04	Lỗ/(lãi) chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		93.096.711	(504.118.506)
05	(Lãi)/lỗ từ hoạt động đầu tư		(9.789.034.363)	29.809.612.050
06	Chi phí lãi vay		1.815.083.267	10.688.468.224
08	<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>		<b>66.006.971.842</b>	<b>188.284.248.297</b>
09	Giảm/(tăng) các khoản phải thu		201.830.922.275	(128.404.235.751)
10	(Tăng)/giảm hàng tồn kho		(78.405.513.077)	52.902.322.489
11	(Giảm)/tăng các khoản phải trả		(105.498.836.208)	4.124.791.327
12	(Tăng)/giảm chi phí trả trước		(128.965.481)	6.881.283.657
13	Giảm chứng khoán kinh doanh		4.346.920.000	-
14	Tiền lãi vay đã trả		(1.804.479.178)	(10.814.376.318)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(10.944.714.818)	(24.227.333.140)
17	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(4.992.922.353)	(4.434.964.605)
20	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>		<b>70.409.383.002</b>	<b>84.311.735.956</b>
	<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
21	Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và tài sản dài hạn khác		(5.956.640.000)	(15.995.442.952)
22	Thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		1.600.000.000	400.000.000
23	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác		(33.132.000.000)	(24.155.000.000)
24	Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		35.470.350.000	19.513.700.000
25	Tiền chi góp vốn đầu tư vào các đơn vị khác		(2.215.000.000)	-
26	Tiền thu hồi góp vốn đầu tư vào các đơn vị khác		8.530.497.600	3.999.969.144
27	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		15.962.791.657	12.121.421.537
30	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ/(sử dụng vào) hoạt động đầu tư</b>		<b>20.259.999.257</b>	<b>(4.115.352.271)</b>

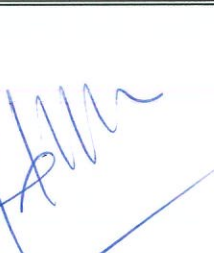
11/01/2018  
 12/01/2018  
 13/01/2018  
 14/01/2018  
 15/01/2018  
 16/01/2018  
 17/01/2018  
 18/01/2018  
 19/01/2018  
 20/01/2018  
 21/01/2018  
 22/01/2018  
 23/01/2018  
 24/01/2018  
 25/01/2018  
 26/01/2018  
 27/01/2018  
 28/01/2018  
 29/01/2018  
 30/01/2018  
 31/01/2018

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG (tiếp theo)  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
	<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
31	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu		9.980.000.000	7.985.000.000
32	Tiền chi mua lại cổ phiếu đã phát hành		(48.900.000)	(71.500.000)
33	Tiền thu từ đi vay		182.880.016.729	521.662.118.349
34	Tiền chi trả nợ gốc vay		(196.233.571.786)	(554.195.775.346)
36	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(36.960.976.670)	(27.445.460.640)
<b>40</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động tài chính</b>		<b>(40.383.431.727)</b>	<b>(52.065.617.637)</b>
<b>50</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b>		<b>50.285.950.532</b>	<b>28.130.766.048</b>
<b>60</b>	<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	<b>4</b>	<b>93.915.522.599</b>	<b>65.369.197.751</b>
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		(518.940)	415.558.800
<b>70</b>	<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm</b>	<b>4</b>	<b>144.200.954.191</b>	<b>93.915.522.599</b>



Người lập: Chu Hồng Hạnh      Kế toán trưởng: Đặng Thị Thanh Minh      Tổng Giám đốc: Phan Chiến Thắng

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 26 tháng 3 năm 2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

## 1. THÔNG TIN VỀ CÔNG TY

Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Công nghệ Điện tử Viễn thông (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh Nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 0101435127 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu vào ngày 18 tháng 7 năm 2003 và các Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh điều chỉnh sau đó, với lần điều chỉnh gần nhất là lần thứ 20 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 30 tháng 5 năm 2017.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là:

- ▶ Sản xuất phần mềm máy tính, chuyển giao công nghệ thông tin, lắp đặt các hệ thống, dây chuyền công nghệ cao;
- ▶ Tư vấn các hệ thống thông tin, hệ thống tự động hóa và các hệ thống điện tử viễn thông;
- ▶ Dịch vụ thông tin giải trí với phát thanh, truyền hình, báo chí;
- ▶ Dịch vụ cho thuê văn phòng, cho thuê nhà phục vụ các mục đích kinh doanh, cho thuê tài sản; và
- ▶ Các hoạt động khác theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh.

Công ty có trụ sở chính tại tòa nhà Elcom, Phố Duy Tân, Phường Dịch Vọng Hậu, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội.

Công ty có các Chi nhánh và Văn phòng đại diện sau:

- ▶ Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh tại 162/12 Đường Bình Lợi, Phường 13, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh;
- ▶ Văn phòng đại diện Tây Hồ tại biệt thự số 41, khu biệt thự Tây Hồ - số 10, Phố Đặng Thai Mai, Quận Tây Hồ, Hà Nội; và
- ▶ Văn phòng đại diện Đà Nẵng tại tầng 5, tòa nhà Lighthouse, 1254 Xô Viết Nghệ Tĩnh, phường Hòa Cường Nam, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng.

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 là: 213 (ngày 31 tháng 12 năm 2016: 283).

### **Cơ cấu tổ chức**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Công ty có 3 công ty con. Thông tin chi tiết về các công ty con và tỷ lệ lợi ích của Công ty trong các công ty con này như sau:

<i>STT</i>	<i>Tên công ty</i>	<i>Tỷ lệ lợi ích</i>	<i>Tỷ lệ biểu quyết</i>	<i>Địa chỉ trụ sở chính</i>	<i>Hoạt động chính trong năm</i>
1	Công ty TNHH Giải pháp Phần mềm Elcom	100%	100%	Tòa nhà Elcom, phố Duy Tân, Phường Dịch Vọng Hậu, Quận Cầu Giấy, Hà Nội.	Sản xuất phần mềm máy tính, lắp đặt hệ thống dây chuyền công nghệ cao.
2	Công ty Cổ phần Elcom Plus	51%	51%	Tòa nhà Elcom, phố Duy Tân, Phường Dịch Vọng Hậu, Quận Cầu Giấy, Hà Nội.	Cung cấp dịch vụ giá trị gia tăng
3	Công ty TNHH VTS Hải Phòng	65%	65%	Tòa nhà Elcom, phố Duy Tân, Phường Dịch Vọng Hậu, Quận Cầu Giấy, Hà Nội.	Xây dựng hệ thống quản lý hàng hải tàu biển (VTS) luồng Hải Phòng theo hình thức BT.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

## 2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

### 2.1 Mục đích lập báo cáo tài chính riêng

Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Công nghệ Điện tử Viễn thông là công ty mẹ có các công ty con, công ty liên kết như được trình bày tại Thuyết minh số 1. Công ty đã lập báo cáo tài chính riêng này nhằm đáp ứng các yêu cầu về công bố thông tin, cụ thể là theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 6 tháng 10 năm 2015 – Hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Cũng theo quy định tại văn bản này, Công ty cũng đã lập báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 vào ngày 26 tháng 3 năm 2018.

Báo cáo tài chính riêng này chỉ trình bày tình hình tài chính riêng, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng của Công ty. Người sử dụng báo cáo tài chính riêng nên đọc báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con nói trên để có được đầy đủ thông tin về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty và các công ty con.

### 2.2 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính riêng của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam khác do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính riêng được trình bày kèm theo và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

### 2.3 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Công ty là Chứng từ ghi sổ.

### 2.4 Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính riêng bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)**

vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY (tiếp theo)**

**2.5 Đơn vị tiền tệ trong kế toán**

Báo cáo tài chính riêng được lập bằng đơn vị tiền tệ trong kế toán của Công ty là VND.

**2.6 Cơ sở tổng hợp**

Báo cáo tài chính riêng của Công ty bao gồm các báo cáo tài chính của Văn phòng Công ty và chi nhánh cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017.

Báo cáo tài chính của Văn phòng Công ty và chi nhánh sử dụng để tổng hợp được lập cho cùng một kỳ báo cáo và được áp dụng các chính sách kế toán một cách thống nhất.

Số dư các tài khoản trên bảng cân đối kế toán của Văn phòng Công ty và chi nhánh, các khoản thu nhập và chi phí, các khoản lãi hoặc lỗ nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch giữa Văn phòng Công ty và chi nhánh được loại trừ hoàn toàn.

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

**3.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

**3.2 Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu và hàng hóa - chi phí mua theo phương pháp bình quân gia quyền.
- Thành phẩm và chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang - giá vốn nguyên vật liệu và lao động trực tiếp cộng chi phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường theo phương pháp bình quân gia quyền.

*Dự phòng giảm giá cho hàng tồn kho*

Dự phòng giảm giá cho hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu, thành phẩm, hàng hóa tồn kho khác thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trong kỳ trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.3 Các khoản phải thu**

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính riêng theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

**3.4 Tài sản cố định hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sẵn sàng hoạt động như dự kiến. Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

**3.5 Tài sản cố định vô hình**

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến. Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

**3.6 Khấu hao và hao mòn**

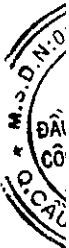
Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	25 năm
Máy móc, thiết bị	2 - 8 năm
Phương tiện vận tải	5 - 6 năm
Thiết bị văn phòng	2 - 8 năm
Phần mềm máy tính	3 - 5 năm

**3.7 Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của doanh nghiệp.

Chi phí đi vay được hạch toán như chi phí phát sinh trong năm ngoại trừ các khoản được vốn hóa như theo nội dung của đoạn tiếp theo.





THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.7 Chi phí đi vay (tiếp theo)**

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua sắm, xây dựng hoặc hình thành một tài sản cụ thể cần có một thời gian đủ dài để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc để bán được vốn hóa vào nguyên giá của tài sản đó.

**3.8 Chi phí trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán riêng và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

- ▶ Công cụ, dụng cụ xuất dùng trong nhiều năm với giá trị lớn; và
- ▶ Chi phí sản xuất phân bổ cho mùa vụ; và
- ▶ Các chi phí khác.

**3.9 Các khoản đầu tư**

*Đầu tư vào công ty con*

Các khoản đầu tư vào công ty con mà trong đó Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối lợi nhuận mà Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của công ty con sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

*Đầu tư vào công ty liên kết*

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối lợi nhuận từ lợi nhuận thuần lũy kế của các công ty liên kết sau ngày Công ty có ảnh hưởng đáng kể được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

*Chứng khoán kinh doanh và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác*

Chứng khoán kinh doanh và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được ghi nhận theo giá gốc.

*Dự phòng giảm giá trị các khoản chứng khoán kinh doanh và các khoản đầu tư khác*

Dự phòng được lập cho việc giảm giá trị của các khoản chứng khoán kinh doanh và các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác vào ngày kết thúc kỳ kế toán theo hướng dẫn của Thông tư số 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 7 tháng 12 năm 2009 và Thông tư số 89/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 28 tháng 6 năm 2013. Tăng hoặc giảm số dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Công nghệ Điện tử Viễn thông  
 P. P. I. G. E. N. T. I. N. G.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.9 Các khoản đầu tư (tiếp theo)**

*Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn*

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc. Sau khi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Các khoản suy giảm giá trị của các khoản đầu tư nếu phát sinh được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

**3.10 Các khoản phải trả và chi phí trích trước**

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

**3.11 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ**

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- ▶ Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán;
- ▶ Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch; và
- ▶ Giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả) được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thực hiện thanh toán.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán riêng theo nguyên tắc sau:

- ▶ Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch; và
- ▶ Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

**3.12 Cổ phiếu quỹ**

Các công cụ vốn chủ sở hữu được Công ty mua lại (cổ phiếu quỹ) được ghi nhận theo nguyên giá và trừ vào vốn chủ sở hữu. Công ty không ghi nhận các khoản lãi/(lỗ) khi mua, bán, phát hành hoặc hủy các công cụ vốn chủ sở hữu của mình.

**3.13 Phân chia lợi nhuận**

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp (không bao gồm lãi từ giao dịch mua giá rẻ) có thể được chia cho các cổ đông sau khi được đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

330/1  
C  
/A/

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.13 Phân chia lợi nhuận (tiếp theo)**

Công ty trích lập các quỹ dự phòng sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại đại hội đồng cổ đông thường niên:

*Quỹ đầu tư và phát triển*

Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.

*Quỹ khen thưởng, phúc lợi*

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên, và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán riêng.

**3.14 Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

*Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với thời điểm chuyển giao hàng hóa.

*Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Khi có thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ được ghi nhận dựa vào mức độ hoàn thành công việc. Mức độ hoàn thành công việc được xác định theo khối lượng công việc đã được khách hàng xác nhận.

Nếu không thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được của các chi phí đã được ghi nhận.

*Tiền lãi*

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

*Cổ tức*

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty được xác lập.

**3.15 Thuế**

*Thuế thu nhập hiện hành*

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.15 Thuế (tiếp theo)**

*Thuế thu nhập hiện hành (tiếp theo)*

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

*Thuế thu nhập hoãn lại*

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của các khoản mục này trong báo cáo tài chính riêng.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- ▶ Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch; và
- ▶ Các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi Công ty có khả năng kiểm soát thời gian hoàn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- ▶ Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập tại thời điểm phát sinh giao dịch; và
- ▶ Tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận chịu thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.15 Thuế (tiếp theo)**

*Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)*

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài chính khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi doanh nghiệp có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:

- ▶ đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
- ▶ Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

**3.16 Các bên liên quan**

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

**4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Tiền mặt	1.731.626.471	306.578.130
Tiền gửi ngân hàng	42.469.327.720	44.655.944.469
Các khoản tương đương tiền (*)	100.000.000.000	48.953.000.000
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>144.200.954.191</b>	<b>93.915.522.599</b>

(\*) Các khoản tương đương tiền bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng bằng VND với kỳ hạn không quá ba tháng và hưởng mức lãi suất bình quân từ 4,8% đến 6%/năm.

**Các thông tin bổ sung về báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng:**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
<b>Số tiền đi vay thực thu trong năm</b>		
- Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	182.880.016.729	521.662.118.349
<b>Số tiền đã thực trả gốc vay trong năm</b>		
- Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	(196.233.571.786)	(554.195.775.346)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**5. CHỨNG KHOÁN KINH DOANH**

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân Đội	67.295.740	206.093.355	-	67.295.740	103.250.000	-
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kỹ thương Việt Nam	-	-	-	4.346.920.000	1.384.248.167	(2.962.671.833)
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>67.295.740</b>	<b>206.093.355</b>	<b>-</b>	<b>4.414.215.740</b>	<b>1.487.498.167</b>	<b>(2.962.671.833)</b>

**6. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG VÀ TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

**6.1 Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu từ khách hàng	251.408.841.675	466.826.920.927
- Tổng Công ty Hạ tầng mạng VNPT-Net	85.556.941.930	46.353.030.630
- Ban Quản lý Dự án Hệ thống Quản lý Hành hải Tàu biển luồng Sài Gòn – Vũng Tàu	23.521.073.605	60.066.760.096
- Tổng Công ty Viễn thông Mobifone	-	136.972.379.433
- Các khoản phải thu khách hàng khác	142.330.826.140	223.434.750.768
Phải thu từ các bên liên quan (Thuyết minh số 29)	9.865.524.212	6.478.203.286
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>261.274.365.887</b>	<b>473.305.124.213</b>
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(9.028.357.873)	(3.112.032.414)

**6.2 Trả trước cho người bán ngắn hạn**

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Trả trước cho người bán	28.806.278.285	20.481.817.632
- Hudson Capital Holding Ltd	8.288.252.280	-
- ISG Technology Pte Ltd	6.124.815.600	-
- Công ty TNHH Techconvina GP Nhà thông minh	5.381.880.520	5.381.880.520
- Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Deltatech	2.840.872.250	2.840.872.250
- Công ty TNHH Nhà Nguyễn	-	5.120.219.947
- Công ty Cổ phần Giải pháp Giao thông Thông minh	296.759.084	2.619.000.000
- Các khoản trả trước khác	5.873.698.551	4.519.844.915
Trả trước cho các bên liên quan (Thuyết minh số 29)	13.000.000.000	13.000.000.000
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>41.806.278.285</b>	<b>33.481.817.632</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**7. PHẢI THU VỀ CHO VAY NGẮN HẠN**

	Đơn vị tính: VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Cho vay Công ty Cổ phần Công nghệ Vật liệu mới	14.400.000.000	14.400.000.000
Cho vay ngắn hạn khác (*)	13.511.650.000	15.100.000.000
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>27.911.650.000</b>	<b>29.500.000.000</b>
Dự phòng phải thu về cho vay ngắn hạn khó đòi	(9.400.000.000)	(14.400.000.000)

(\*) Bao gồm các khoản cho vay ngắn hạn một công ty và một số cá nhân với kỳ hạn từ 6 đến 12 tháng, lãi suất từ 6% đến 8%/năm và không có tài sản đảm bảo.

**8. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC**

	Đơn vị tính: VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu lợi nhuận từ Công ty TNHH Giải pháp Phần mềm Elcom	45.768.797.558	56.274.344.485
Tạm ứng cho nhân viên	4.831.109.128	11.155.603.042
Phải thu từ Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Bắc Hà	4.800.000.000	4.800.000.000
Phải thu Công ty Cổ phần Công nghệ Vật liệu mới Bắc Kạn	3.689.885.279	4.289.885.279
Phải thu từ các cá nhân	3.353.760.366	4.353.760.366
Phải thu Công ty Cổ phần Công nghệ Vật liệu mới	1.916.209.769	1.916.209.769
Phải thu khác	13.155.429.186	10.157.436.606
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>77.515.191.286</b>	<b>92.947.239.547</b>
Dự phòng phải thu ngắn hạn khác khó đòi	(8.540.275.414)	(8.166.532.483)
Trong đó:		
<i>Phải thu khác</i>	28.056.508.449	32.383.009.783
<i>Phải thu khác từ các bên liên quan (Thuyết minh số 29)</i>	49.458.682.837	60.564.229.764

**9. HÀNG TỒN KHO**

	Đơn vị tính: VND			
	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Hàng mua đang đi đường	2.677.382.615	-	-	-
Nguyên liệu, vật liệu tồn kho	14.500.000	-	14.500.000	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	100.470.107.279	-	24.507.707.189	-
Thành phẩm	128.563.045	-	215.928.856	-
Hàng hóa	41.613.883.486	-	41.760.787.303	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>144.904.436.425</b>	<b>-</b>	<b>66.498.923.348</b>	<b>-</b>

Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Công nghệ Điện tử Viễn thông

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

10. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	Đơn vị tính: VND
<b>Nguyên giá:</b>					
Số dư đầu năm	80.180.180.237	81.143.872.024	29.378.039.985	22.296.437.500	212.998.529.746
- Mua trong năm	-	2.394.577.449	-	3.136.670.106	5.531.247.555
- Đầu tư XDCB hoàn thành	206.272.727	-	-	-	206.272.727
- Phân loại lại	-	(88.154.360)	-	88.154.360	-
- Thanh lý, nhượng bán	(1.568.914.285)	(13.903.659.849)	(10.138.800.853)	(3.015.148.040)	(28.626.523.027)
Số dư cuối năm	78.817.538.679	69.546.635.264	19.239.239.132	22.506.113.926	190.109.527.001
<b>Trong đó:</b>					
Đã khấu hao hết	-	1.719.414.000	6.521.672.410	64.665.000	8.305.751.410
<b>Giá trị khấu hao lũy kế:</b>					
Số dư đầu năm	13.173.952.779	43.195.870.431	21.759.254.689	10.487.676.645	88.616.754.544
- Khấu hao trong năm	3.040.260.815	14.503.631.192	2.347.422.027	3.900.195.188	23.791.509.222
- Phân loại lại	-	(88.154.360)	-	88.154.360	-
- Thanh lý, nhượng bán	(740.004.531)	(13.903.659.849)	(10.138.800.853)	(3.015.148.040)	(27.797.613.273)
Số dư cuối năm	15.474.209.063	43.707.687.414	13.967.875.863	11.460.878.153	84.610.650.493
<b>Giá trị còn lại:</b>					
Số dư đầu năm	67.006.227.458	37.948.001.593	7.618.785.296	11.808.760.855	124.381.775.202
Số dư cuối năm	63.343.329.616	25.838.947.850	5.271.363.269	11.045.235.773	105.498.876.508

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2017, một số tài sản cố định là nhà cửa, vật kiến trúc và phương tiện vận tải đã được sử dụng làm tài sản thế chấp cho các khoản vay tại các ngân hàng thương mại như đã được trình bày trong Thuyết minh số 17.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**11. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH**

*Đơn vị tính: VND*  
*Phần mềm máy tính*

**Nguyên giá:**

Số dư đầu năm	5.479.639.881
- Mua trong năm	<u>4.480.000.000</u>
Số dư cuối năm	<u>9.959.639.881</u>

**Giá trị hao mòn lũy kế:**

Số dư đầu năm	1.341.049.473
- Hao mòn trong năm	<u>2.799.261.319</u>
Số dư cuối năm	<u>4.140.310.792</u>

**Giá trị còn lại:**

Số dư đầu năm	<u>4.138.590.408</u>
Số dư cuối năm	<u><u>5.819.329.089</u></u>

# Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Công nghệ Điện tử Viễn thông

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

## 12. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	Số cuối năm				Số đầu năm				Đơn vị tính: VND
	Số lượng (cổ phiếu)	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị ghi sổ	Số lượng (cổ phiếu)	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị ghi sổ	
<b>Đầu tư vào công ty con</b>		<b>49.702.300.000</b>	<b>13.793.037.171</b>	<b>35.909.262.829</b>		<b>49.702.300.000</b>	<b>2.461.037.582</b>	<b>47.241.262.418</b>	
Công ty TNHH Giải pháp Phần mềm Elcom	3.000.000	30.000.000.000	12.086.467.412	17.913.532.588	3.000.000	30.000.000.000	-	30.000.000.000	
Công ty TNHH VTS Hải Phòng	1.205.230	12.052.300.000	249.820.209	11.802.479.791	1.205.230	12.052.300.000	1.387.430.216	10.664.869.784	
Công ty Cổ phần Elcom Plus (*)	765.000	7.650.000.000	1.456.749.550	6.193.250.450	765.000	7.650.000.000	1.073.607.366	6.576.392.634	
<b>Đầu tư vào công ty liên kết (*)</b>		<b>17.360.740.000</b>	<b>407.809.773</b>	<b>16.952.930.227</b>		<b>17.360.740.000</b>	<b>-</b>	<b>17.360.740.000</b>	
Công ty Cổ phần Công nghệ Vật liệu mới Bắc Kạn	626.074	17.360.740.000	407.809.773	16.952.930.227	626.074	17.360.740.000	-	17.360.740.000	
<b>Đầu tư vào đơn vị khác</b>		<b>133.768.815.457</b>	<b>5.495.044.558</b>	<b>128.273.770.899</b>		<b>131.553.815.457</b>	<b>3.906.238.752</b>	<b>127.647.576.705</b>	
<b>Đầu tư cổ phiếu (*)</b>		<b>89.734.549.500</b>	<b>5.495.044.558</b>	<b>84.239.504.942</b>		<b>87.919.549.500</b>	<b>3.906.238.752</b>	<b>84.013.310.748</b>	
Công ty Cổ phần Phát triển Đông Dương Xanh	1.250.000	28.590.000.000	1.500.736.533	27.089.263.467	1.250.000	28.590.000.000	1.227.645.953	27.362.354.047	
Công ty Cổ phần Trung Văn	371.699	26.985.200.000	1.032.232.514	25.952.967.486	371.699	26.985.200.000	-	26.985.200.000	
Công ty Cổ phần Atani Holdings	1.371.000	13.710.000.000	2.602.075.511	11.107.924.489	1.189.500	11.895.000.000	2.418.139.101	9.476.860.899	
Công ty Cổ phần Máy tính và Truyền thông Việt Nam	540.000	11.826.000.000	-	11.826.000.000	540.000	11.826.000.000	-	11.826.000.000	
Công ty Cổ phần Tư vấn Hạ tầng Viễn thông	600.000	6.000.000.000	-	6.000.000.000	600.000	6.000.000.000	260.453.698	5.739.546.302	
Công ty Cổ phần Giải pháp Công nghệ Truyền thông Đa phương tiện Sáng kiến	87.496	2.148.349.500	-	2.148.349.500	87.496	2.148.349.500	-	2.148.349.500	
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Thăng Long Xanh	36.000	360.000.000	360.000.000	-	36.000	360.000.000	-	360.000.000	
Công ty Cổ phần Tin học Viễn thông Petrolimex	14.689	115.000.000	-	115.000.000	14.689	115.000.000	-	115.000.000	

## Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Công nghệ Điện tử Viễn thông

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

### 12. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

	Số cuối năm				Số đầu năm (Phân loại lại)				Đơn vị tính: VND
	Số lượng (cổ phiếu)	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị ghi sổ (cổ phiếu)	Số lượng (cổ phiếu)	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị ghi sổ	
<b>Đầu tư vào đơn vị khác (tiếp theo)</b>									
<b>Đầu tư dài hạn khác</b>		<b>44.034.265.957</b>	-	<b>44.034.265.957</b>	<b>43.634.265.957</b>	-	-	<b>43.634.265.957</b>	
Dự án Trần Phú - Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Thăng Long Xanh (**)		37.771.500.000	-	37.771.500.000	37.771.500.000	-	-	37.771.500.000	
Dự án Thanh Trì - Công ty Cổ phần Đầu tư Bất động sản Thanh Trì		5.862.765.957	-	5.862.765.957	5.862.765.957	-	-	5.862.765.957	
Dự án Quản lý xe buýt - Công ty Cổ phần Transmedia		400.000.000	-	400.000.000	-	-	-	-	
<b>TỔNG CỘNG</b>		<b>200.831.855.457</b>	<b>19.695.891.502</b>	<b>181.135.963.955</b>	<b>198.616.855.457</b>	<b>6.367.276.334</b>	<b>192.249.579.123</b>		

(\*) Do cổ phiếu của các công ty này không được niêm yết trên thị trường nên Công ty không xác định được giá trị hợp lý của các cổ phiếu này.

(\*\*) Đây là khoản góp vốn để thực hiện Dự án "Xây dựng nhà ở hỗn hợp tái định cư" tại ô đất C13/DD2 thuộc phường Trần Phú, quận Hoàng Mai, Hà Nội theo hợp đồng hợp tác đầu tư số 01/2011/HĐHTĐT/ELC-TLX ký với Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Thăng Long Xanh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**12. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)**

**12.1 Đầu tư vào các công ty con**

Tên đơn vị	Tỷ lệ sở hữu (%)	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty TNHH Giải pháp Phần mềm Elcom	100%	100%
Công ty TNHH VTS Hải Phòng	65%	65%
Công ty Cổ phần Elcom Plus	51%	51%

Chi tiết các khoản đầu tư vào các công ty con được trình bày tại Thuyết minh số 1.

**12.2 Đầu tư vào công ty liên kết**

Tên đơn vị	Tỷ lệ sở hữu (%)	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Công nghệ Vật liệu mới Bắc Kạn	42,97%	42,97%

Công ty Cổ phần Công nghệ Vật liệu mới Bắc Kạn (“Công ty Bắc Kạn”) là công ty cổ phần được thành lập theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 4700162684 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bắc Kạn cấp lần đầu ngày 8 tháng 10 năm 2008. Công ty này có trụ sở chính tại số 91 đường Trần Hưng Đạo, tổ 11A, Phường Đức Xuân, Thị xã Bắc Kạn, Tỉnh Bắc Kạn. Hoạt động chính của Công ty Cổ phần Công nghệ Vật liệu mới Bắc Kạn là thăm dò, khai thác quặng, chế biến và mua bán các loại khoáng sản.

Công ty Bắc Kạn đã nhận được quyết định số 119/QĐ-UBND ngày 8 tháng 2 năm 2017 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Bắc Kạn về việc đóng cửa mỏ đồng Khuổi Kim – Nà Pì, xã Liềm Thủy, huyện Na Rì đã giao cho Công ty Bắc Kạn trước đó và giao đất cho UBND xã Liềm Thủy, huyện Na Rì quản lý với diện tích là 272,4 ha.

Sau đó, Công ty Bắc Kạn đã gửi công văn số 08/CV ngày 9 tháng 8 năm 2017 lên Ủy ban Nhân dân tỉnh Bắc Kạn để xin tiếp tục cấp phép đánh giá và khai thác khoáng sản tại mỏ quặng đồng tại thông Nà Pì, xã Liềm Thủy, huyện Na Rì, tỉnh Bắc Kạn với diện tích 45 ha. Tại ngày lập báo cáo tài chính riêng này, Công ty Bắc Kạn vẫn chưa nhận được văn bản phản hồi của UBND Tỉnh Bắc Kạn về công văn yêu cầu này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**13. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN VÀ NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN**

**13.1 Phải trả người bán ngắn hạn**

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Phải trả ngắn hạn cho người bán	71.429.348.763	71.429.348.763	132.032.193.403	132.032.193.403
- Công ty Ciena Communications Inc	21.886.025.097	21.886.025.097	20.227.566.468	20.227.566.468
- Công ty TNHH phân phối FPT	8.748.381.510	8.748.381.510	-	-
- Công ty SIAE Microelettronica S.p.A	6.998.075.000	6.998.075.000	11.101.710.248	11.101.710.248
- Công ty Hudson Capital Holding Ltd	-	-	17.411.030.126	17.411.030.126
- Công ty Cổ phần Công nghệ Thông tin Tân Cảng	3.115.047.260	3.115.047.260	15.575.236.100	15.575.236.100
- Phải trả đối tượng khác	30.681.819.896	30.681.819.896	67.716.650.461	67.716.650.461
Phải trả cho các bên liên quan (Thuyết minh số 29)	1.931.773.965	1.931.773.965	10.795.195.022	10.795.195.022
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>73.361.122.728</b>	<b>73.361.122.728</b>	<b>142.827.388.425</b>	<b>142.827.388.425</b>

**13.2 Người mua trả tiền trước ngắn hạn**

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tổng Công ty Viễn thông Mobifone	4.233.071.288	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Kiến trúc và Xây dựng D.T.C	4.662.411.515	-
Công ty TNHH MTV Bất động sản Hà Phan	1.394.060.664	-
Công ty TNHH Thu phí Tự động VETC	-	2.456.012.750
Cục Công nghệ thông tin	-	7.341.257.600
Người mua trả tiền trước khác	713.109.598	1.049.021.090
Các bên liên quan trả tiền trước (Thuyết minh số 29)	-	8.959.942.517
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>11.002.653.065</b>	<b>19.806.233.957</b>

3512  
 CÔNG TY  
 CỔ PHẦN  
 ĐẦU TƯ  
 PHÁT TRIỂN  
 CÔNG NGHỆ  
 ĐIỆN TỬ  
 VIỄN THÔNG  
 (HỒN)  
 V-TP

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**14. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

*Đơn vị tính: VND*

	<i>Số đầu năm</i>	<i>Số phải nộp trong năm</i>	<i>Số đã nộp trong năm</i>	<i>Số cuối năm</i>
Thuế giá trị gia tăng	8.994.869.776	7.667.612.750	16.662.482.526	-
Thuế xuất nhập khẩu	-	2.197.279.306	2.197.279.306	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	3.129.713.619	10.989.020.525	10.944.714.818	3.174.019.326
Thuế thu nhập cá nhân	310.838.172	4.624.906.881	4.777.789.420	157.955.633
Thuế nhà thầu	411.180.263	6.836.422.827	6.624.064.908	623.538.182
Các loại thuế khác	113.060.597	50.243.961	50.243.961	113.060.597
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>12.959.662.427</b>	<b>32.365.486.250</b>	<b>41.256.574.939</b>	<b>4.068.573.738</b>

**15. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN**

*Đơn vị tính: VND*

	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Chi phí thực hiện dự án	1.153.006.710	5.475.636.716
Chi phí khác	589.819.129	480.757.940
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>1.742.825.839</b>	<b>5.956.394.656</b>

**16. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC**

*Đơn vị tính: VND*

	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Phải trả tiền nhận ký cược, ký quỹ ngắn hạn	885.264.713	885.264.713
Phải trả cổ tức cho các cổ đông	825.310.408	815.660.688
Kinh phí công đoàn	453.073.252	772.507.979
Phải trả hàng mang đi bảo hành	1.088.266.013	274.690.908
Các khoản phải trả, phải nộp khác	809.188.020	412.845.396
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>4.061.102.406</b>	<b>3.160.969.684</b>

Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Công nghệ Điện tử Viễn thông

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**17. VAY NGẮN HẠN**

	Số đầu năm		Số phát sinh trong năm		Chênh lệch tỷ giá	Số cuối năm		Đơn vị tính: VND
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm		Giá trị	Số có khả năng trả nợ	
<b>Vay ngắn hạn</b>								
Vay ngân hàng ngắn hạn	58.281.288.917	58.281.288.917	182.880.016.729 (196.233.571.786)		137.976.588	45.065.710.448	45.065.710.448	
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>58.281.288.917</b>	<b>58.281.288.917</b>	<b>182.880.016.729 (196.233.571.786)</b>		<b>137.976.588</b>	<b>45.065.710.448</b>	<b>45.065.710.448</b>	

Chi tiết các khoản vay ngắn hạn như sau:

Bên cho vay	Số cuối năm		Lãi suất (%/năm)	Hình thức đảm bảo
	(VND)	(USD)		
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội - Chi nhánh Thăng Long	45.065.710.448	1.978.302	2,20%	Khoản vay được thế chấp bằng một số tài sản cố định hữu hình của Công ty (Thuyết minh số 10) và một số tài sản là quyền sử dụng đất và hợp đồng mua bán căn hộ của các cá nhân.
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>45.065.710.448</b>	<b>1.978.302</b>		

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**18. CÁC KHOẢN DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
<b>Ngắn hạn</b>		
Dự phòng chi phí bảo hành	12.883.309.413	2.754.592.529
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>12.883.309.413</b>	<b>2.754.592.529</b>
<b>Dài hạn</b>		
Dự phòng chi phí bảo hành	-	26.708.459.676
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>-</b>	<b>26.708.459.676</b>

Dựa trên tình hình sản phẩm cần sửa chữa và trả lại trong quá khứ, Công ty đã ghi nhận một khoản dự phòng cho chi phí bảo hành có thể phát sinh liên quan đến các sản phẩm, dịch vụ của Công ty được bán ra trong 1,5 năm qua. Công ty ước tính chi phí dự phòng cho bảo hành dựa trên doanh số hiện tại và các thông tin hiện có về tỷ lệ hàng trả lại, sửa chữa trong thời hạn từ một đến 1,5 năm bảo hành cho toàn bộ sản phẩm bán ra.

**19. QUỸ KHEN THƯỞNG, PHÚC LỢI**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Số dư đầu năm	5.512.171.146	2.447.135.751
Trích lập trong năm ( <i>Thuyết minh số 20.1</i> )	9.500.000.000	7.500.000.000
Phân bổ cho công ty con	(2.500.000.000)	(2.600.000.000)
Sử dụng trong năm	(2.492.922.353)	(1.834.964.605)
Số dư cuối năm	<b>10.019.248.793</b>	<b>5.512.171.146</b>



# Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Công nghệ Điện tử Viễn thông

B09-DN

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

### 20. VỐN CHỦ SỞ HỮU

#### 20.1 Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu

Năm trước	Số đầu năm	Vốn góp	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quý đầu tư phát triển	Quý khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận chưa phân phối	Đơn vị tính: VND	
								Tổng cộng	
	415.719.980.000	88.712.010.000	(1.281.500.000)		33.775.255.576	5.200.000.000	202.694.516.124	744.820.261.700	
-	Tăng vốn trong năm	50.253.770.000	(15.000.000)	-	-	-	(42.253.770.000)	7.985.000.000	
-	Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	75.401.988.201	75.401.988.201	
-	Cổ tức công bố	-	-	-	-	-	(24.873.298.800)	(24.873.298.800)	
-	Trích lập quỹ đầu tư phát triển	-	-	-	2.000.000.000	-	(2.000.000.000)	-	
-	Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	-	(7.500.000.000)	(7.500.000.000)	
-	Mua cổ phiếu quỹ	-	-	(71.500.000)	-	-	-	(71.500.000)	
	Số cuối năm	465.973.750.000	88.697.010.000	(1.353.000.000)	35.775.255.576	5.200.000.000	201.469.435.525	795.762.451.101	
	<b>Năm nay</b>								
	Số đầu năm	465.973.750.000	88.697.010.000	(1.353.000.000)	35.775.255.576	5.200.000.000	201.469.435.525	795.762.451.101	
-	Tăng vốn trong năm (*)	10.000.000.000	(20.000.000)	-	-	-	-	9.980.000.000	
-	Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	41.231.766.228	41.231.766.228	
-	Cổ tức công bố (**)	33.308.680.000	-	-	-	-	(71.310.882.000)	(38.002.202.000)	
-	Trích lập quỹ đầu tư phát triển	-	-	-	2.800.000.000	-	(2.800.000.000)	-	
-	Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	-	(9.500.000.000)	(9.500.000.000)	
-	Phát hành cổ phiếu thường (***)	-	-	1.165.000.000	(1.165.000.000)	-	-	-	
-	Mua cổ phiếu quỹ	-	-	(48.900.000)	-	-	-	(48.900.000)	
	Số cuối năm	509.282.430.000	88.677.010.000	(236.900.000)	37.410.255.576	5.200.000.000	159.090.319.753	799.423.115.329	

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**20. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)**

**20.1 Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu (tiếp theo)**

(\*) Theo nội dung phê duyệt tại Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2016 số 001/2016/NQ-ĐHĐCĐ ngày 22 tháng 4 năm 2016, Hội đồng Quản trị đã ban hành Nghị quyết số 01-02/2017/NQ-HĐQT ngày 16 tháng 2 năm 2017 về việc phát hành và niêm yết bổ sung 1.000.000 cổ phiếu phổ thông được chào bán cho nhân viên của Công ty, với giá chào bán là 10.000 VND/cổ phiếu. Số cổ phiếu này được chính thức niêm yết từ ngày 11 tháng 4 năm 2017.

(\*\*) Theo nội dung phê duyệt tại Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017 số 001/2017/NQ-ĐHĐCĐ ngày 24 tháng 4 năm 2017, vào ngày 15 tháng 8 năm 2017, Hội đồng Quản trị Công ty thông qua Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 01-08/2017/NQ-HĐQT về việc trả cổ tức bằng cổ phiếu theo tỷ lệ 7% (một cổ đông sở hữu 100 cổ phiếu sẽ được nhận 7 cổ phiếu mới). Số cổ phiếu được phát hành thêm là 3.330.868 cổ phiếu, và chính thức niêm yết từ ngày 17 tháng 10 năm 2017. Bên cạnh đó, Công ty cũng công bố và chi trả cổ tức bằng tiền với tỷ lệ 8% với số tiền là 38 tỷ VND.

(\*\*\*) Cũng theo nội dung phê duyệt tại Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017 nói trên, vào ngày 7 tháng 6 năm 2017, Hội đồng Quản trị Công ty thông qua Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 01-06/2017/NQ-HĐQT về việc sử dụng 116.500 cổ phiếu quỹ để thưởng cho người lao động trong Công ty từ nguồn quỹ đầu tư phát triển. Số cổ phiếu này được chuyển quyền sở hữu vào ngày 17 tháng 7 năm 2017.

**20.2 Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Tổng số cổ phiếu	Cổ phiếu thường	Cổ phiếu ưu đãi	Tổng số cổ phiếu	Cổ phiếu thường	Cổ phiếu ưu đãi
Vốn góp cổ đông	509.282.430.000	509.282.430.000	-	465.973.750.000	465.973.750.000	-
Thặng dư vốn cổ phần	88.677.010.000	88.677.010.000	-	88.697.010.000	88.697.010.000	-
Cổ phiếu quỹ	(236.900.000)	(236.900.000)	-	(1.353.000.000)	(1.353.000.000)	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>597.722.540.000</b>	<b>597.722.540.000</b>	<b>-</b>	<b>553.317.760.000</b>	<b>553.317.760.000</b>	<b>-</b>

**20.3 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, lợi nhuận**

Đơn vị tính: VND

	Năm nay	Năm trước
<b>Vốn đã góp của chủ sở hữu</b>		
Vốn góp đầu năm	465.973.750.000	415.719.980.000
Tăng vốn trong năm	43.308.680.000	50.253.770.000
<b>Số cuối năm</b>	<b>509.282.430.000</b>	<b>465.973.750.000</b>
<b>Cổ tức, lợi nhuận đã chia</b>	<b>71.310.882.000</b>	<b>24.873.298.800</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**20. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)**

**20.4 Cổ tức**

Đơn vị tính: VND

	Năm nay	Năm trước
<b>Cổ tức đã công bố trong năm</b>	<b>71.310.882.000</b>	<b>24.873.298.800</b>
<i>Cổ tức trên cổ phiếu phổ thông</i>	<i>71.310.882.000</i>	<i>24.873.298.800</i>
Cổ tức cho năm 2015: 600 VND/cổ phiếu	-	24.873.298.800
Cổ tức cho năm 2016: 1.500 VND/cổ phiếu	71.310.882.000	-
<b>Cổ tức đã công bố sau ngày kết thúc kỳ kế toán và chưa được ghi nhận là nợ phải trả vào ngày 31 tháng 12 năm 2017</b>	<b>-</b>	<b>-</b>

**20.5 Cổ phiếu**

	Số lượng	
	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>Cổ phiếu đã được duyệt</b>	<b>50.928.243</b>	<b>46.597.375</b>
<b>Cổ phiếu đã phát hành</b>	<b>50.928.243</b>	<b>46.597.375</b>
<i>Cổ phiếu đã phát hành và được góp vốn đầy đủ</i>	<i>50.928.243</i>	<i>46.597.375</i>
Cổ phiếu phổ thông	50.928.243	46.597.375
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
<b>Cổ phiếu quỹ</b>	<b>9.490</b>	<b>123.000</b>
<i>Cổ phiếu quỹ do Công ty nắm giữ</i>	<i>9.490</i>	<i>123.000</i>
Cổ phiếu phổ thông	9.490	123.000
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
<b>Cổ phiếu đang lưu hành</b>	<b>50.918.753</b>	<b>46.474.375</b>
Cổ phiếu phổ thông	50.918.753	46.474.375
Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

Cổ phiếu của Tổng Công ty đang được niêm yết tại sàn HOSE theo mã chứng khoán là ELC.

**21. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>Ngoại tệ các loại</b>		
Đô la Mỹ (USD)	7.915,05	105.224,38
Bảng Anh (GBP)	990,14	990,14
<b>Nợ khó đòi đã xử lý</b>	<b>6.057.777.778</b>	<b>6.057.777.778</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**22. DOANH THU**

**22.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Đơn vị tính: VND	
	Năm nay	Năm trước
<b>Tổng doanh thu</b>	<b>522.821.921.667</b>	<b>1.291.632.000.962</b>
<i>Trong đó:</i>		
<i>Doanh thu bán hàng hóa</i>	281.709.686.266	845.898.452.694
<i>Doanh thu cung cấp dịch vụ</i>	228.692.090.801	422.622.826.048
<i>Doanh thu bán thành phẩm phần mềm</i>	12.420.144.600	23.062.113.130
<i>Doanh thu thành phẩm khác</i>	-	48.609.090
<b>Các khoản giảm trừ doanh thu</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>Doanh thu thuần</b>	<b>522.821.921.667</b>	<b>1.291.632.000.962</b>
<i>Trong đó:</i>		
<i>Doanh thu đối với bên khác</i>	490.877.767.140	1.279.492.223.280
<i>Doanh thu đối với bên liên quan (Thuyết minh số 29)</i>	31.944.154.527	12.139.777.682

**22.2 Doanh thu hoạt động tài chính**

	Đơn vị tính: VND	
	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	5.754.818.519	2.912.313.411
Lãi chênh lệch tỷ giá	1.046.428.873	3.255.217.306
Lợi nhuận từ thanh lý các khoản đầu tư	3.770.567.600	2.011.229.144
Cổ tức, lợi nhuận được chia	263.590.051	350.440.200
Lợi nhuận từ công ty con chuyển về	-	524.020.755
Doanh thu tài chính khác	58.193	48.766
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>10.835.463.236</b>	<b>9.053.269.582</b>

**23. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP**

	Đơn vị tính: VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Giá vốn hàng hóa đã bán	253.847.983.980	672.805.395.881
Giá vốn dịch vụ cung cấp	138.426.970.135	342.138.360.602
Giá vốn thành phẩm phần mềm	5.910.422.573	6.616.767.488
Giá vốn thành phẩm khác	-	43.962.601
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>398.185.376.688</b>	<b>1.021.604.486.572</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**24. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Lãi tiền vay	1.815.083.267	10.688.468.224
Lỗ chênh lệch tỷ giá	554.016.977	2.816.572.417
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh và tồn thất đầu tư	10.365.943.335	3.004.935.932
Lỗ từ chuyển nhượng các khoản đầu tư	-	21.572.600.000
Chi phí tài chính khác	253.299	420.090
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>12.735.296.878</u></b>	<b><u>38.082.996.663</u></b>

**25. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
<b>Chi phí bán hàng phát sinh trong năm</b>		
Chi phí vật tư thiết bị thử nghiệm	-	316.281.799
(Hoàn nhập)/chi phí dự phòng bảo hành hàng hoá	(11.766.234.397)	19.439.195.537
(Hoàn nhập)/chi phí bảo hành phần mềm	(181.012.446)	72.877.446
Chi phí công tác, xăng xe, đi lại	4.266.163.019	3.827.053.177
Chi phí tiếp khách, hội thảo, marketing	6.300.314.395	6.602.325.424
Chi phí bán hàng khác	2.297.571.431	4.279.498.824
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>916.802.002</u></b>	<b><u>34.537.232.207</u></b>
<b>Chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong năm</b>		
Chi phí nhân công	50.304.508.296	61.122.180.406
Chi phí công cụ, dụng cụ	1.098.693.772	1.470.717.189
Chi phí khấu hao	7.871.831.128	7.783.454.330
Chi phí điện, nước, điện thoại, thuê văn phòng	5.081.467.770	5.418.178.252
Dự phòng nợ phải thu khó đòi	1.290.068.390	22.859.357.611
Chi phí quản lý doanh nghiệp khác	8.633.063.115	16.919.845.482
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>74.279.632.471</u></b>	<b><u>115.573.733.270</u></b>

THUYẾT MINH TÀI CHÍNH

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**26. THU NHẬP VÀ CHI PHÍ KHÁC**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
<b>Thu nhập khác</b>	<b>5.266.731.324</b>	<b>4.003.192.706</b>
Chiết khấu/thưởng từ nhà cung cấp	2.559.168.087	2.723.448.185
Lãi từ thanh lý TSCĐ	2.426.726.610	400.000.000
Thu phạt chậm hợp đồng	-	454.776.011
Các khoản khác	280.836.627	424.968.510
<b>Chi phí khác</b>	<b>586.221.435</b>	<b>2.087.274.811</b>
Phạt chậm hợp đồng	-	1.069.619.343
Phạt chậm nộp thuế từ các năm trước	196.558.908	907.462.142
Các khoản khác	389.662.527	110.193.326
<b>LỢI NHUẬN THUẦN KHÁC</b>	<b>4.680.509.889</b>	<b>1.915.917.895</b>

**27. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Chi phí mua hàng hóa	271.951.668.779	852.874.808.878
Chi phí nhân công	55.513.816.001	66.944.438.121
Chi phí khấu hao và hao mòn tài sản cố định	26.590.770.541	25.923.296.274
Chi phí dịch vụ mua ngoài	98.965.334.808	151.656.473.476
(Hoàn nhập)/chi phí dự phòng bảo hành	(11.947.246.843)	19.512.072.983
Chi phí khác bằng tiền	32.307.467.875	54.804.362.317
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>473.381.811.161</b>	<b>1.171.715.452.049</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**28. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP**

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") áp dụng cho thu nhập từ hoạt động sản xuất phần mềm bằng 10% lợi nhuận thu được trong vòng 15 năm đầu hoạt động. Công ty được miễn thuế TNDN trong 4 năm tính từ năm đầu tiên kinh doanh có lợi nhuận chịu thuế (năm 2005), và được giảm 50% đối với thuế suất thuế TNDN áp dụng cho Công ty trong 9 năm tiếp theo đối với thu nhập từ hoạt động sản xuất phần mềm trên.

Công ty áp dụng mức thuế suất thuế TNDN bằng 20% lợi nhuận thu được từ các hoạt động khác.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính riêng có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

**28.1 Chi phí thuế TNDN hiện hành**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Chi phí thuế TNDN hiện hành	10.851.191.668	17.032.742.951
Điều chỉnh thuế TNDN trích thiếu trong các năm trước	137.828.857	368.008.575
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>10.989.020.525</u></b>	<b><u>17.400.751.526</u></b>

Dưới đây là đối chiếu chi phí thuế TNDN và kết quả của lợi nhuận kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>52.220.786.753</b>	<b>92.802.739.727</b>
Thuế TNDN theo thuế suất của Công ty	9.440.547.179	16.026.074.603
<i>Các khoản điều chỉnh tăng</i>		
Các khoản phạt	53.066.837	75.114.022
Chi phí khấu hao vượt định mức	80.018.746	104.098.546
Chi phí thiếu hóa đơn chứng từ hợp lý hợp lệ	1.139.962.113	830.384.207
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện năm trước	166.373.152	130.158.402
Điều chỉnh thuế TNDN trích thiếu trong các năm trước	137.828.857	368.008.575
Thu lao của thành viên HĐQT không tham gia điều hành	24.000.000	24.000.000
<i>Các khoản điều chỉnh giảm</i>		
Thu nhập đã tính thuế từ công ty con	-	(26.201.037)
Thu nhập đã tính thuế từ các khoản đầu tư	(52.718.010)	(70.088.040)
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện của các khoản mục tài sản	(58.349)	(60.797.752)
<b>Chi phí thuế TNDN hiện hành</b>	<b><u>10.989.020.525</u></b>	<b><u>17.400.751.526</u></b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**28. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)**

**28.2 Thuế TNDN hiện hành**

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện tại. Thu nhập chịu thuế của Công ty khác với thu nhập được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

**29. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong năm bao gồm:

*Đơn vị tính: VND*

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Công ty TNHH Giải pháp Phần mềm Elcom	Công ty con	Mua phần mềm, hàng hóa	15.784.880.000	24.573.010.000
		Phân bổ quỹ khen thưởng phúc lợi	2.500.000.000	2.600.000.000
		Cho thuê văn phòng, thuê xe	1.847.809.988	2.396.334.056
		Cổ tức, lợi nhuận được chia	-	524.020.755
Công ty Cổ phần Elcom Plus	Công ty con	Sử dụng dịch vụ	3.623.069.928	4.663.375.835
		Cho thuê văn phòng, chỗ đặt thiết bị	305.663.798	354.292.175
Công ty Cổ phần Công nghệ Vật liệu mới Bắc Kạn	Công ty liên kết	Thu hồi gốc vay Cho vay không lãi	600.000.000 -	- 600.000.000
Công ty Cổ phần Pan-Salad Bowl	Cùng thành viên HĐQT	Bán hàng hóa	25.337.276.331	7.606.090.829
		Trả trước tiền hàng	-	16.288.578.954
Công ty Cổ phần Pan Farm	Cùng thành viên HĐQT	Bán hàng hóa	2.755.785.018	-
		Trả trước tiền hàng	-	1.038.063.474
Công ty Cổ phần Atani Holdings	Cùng thành viên HĐQT	Góp vốn	1.815.000.000	-
		Cho thuê văn phòng	1.697.619.392	1.783.060.622
Ông Phan Chiến Thắng	Tổng Giám đốc	Cho Công ty thuê văn phòng tại thành phố Hồ Chí Minh	300.000.000	300.000.000



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**29. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)**

*Các điều kiện và điều khoản của các giao dịch với các bên liên quan*

Công ty mua và bán hàng hóa, dịch vụ với các bên liên quan trên cơ sở thỏa thuận theo hợp đồng. Số dư các khoản phải thu, phải trả tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 không cần bảo đảm, không có lãi suất và sẽ được thanh toán bằng tiền. Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017, Công ty đã trích lập 4.201.446.558 VND dự phòng nợ phải thu khó đòi liên quan đến các khoản phải thu ngắn hạn, phải thu về cho vay ngắn hạn và phải thu khác từ các bên liên quan. Việc đánh giá này được thực hiện cho mỗi năm thông qua việc kiểm tra tình hình tài chính của bên liên quan và thị trường mà bên liên quan đó hoạt động.

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau:

<i>Đơn vị tính: VND</i>				
<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
<b><i>Phải thu ngắn hạn của khách hàng (Thuyết minh số 6.1)</i></b>				
Công ty Cổ phần Pan-Salad Bowl	Cùng thành viên HĐQT	Bán hàng hóa, dịch vụ	2.181.705.930	-
Công ty Cổ phần Atani Holdings	Cùng thành viên HĐQT	Bán hàng hóa, dịch vụ	7.086.047.503	5.842.032.507
Công ty Cổ phần Công nghệ Vật liệu mới Bắc Kạn	Công ty liên kết	Bán hàng hóa, dịch vụ	597.770.779	597.770.779
Công ty TNHH VTS Hải Phòng	Công ty con	Bán hàng hóa, dịch vụ	-	38.400.000
<b>TỔNG CỘNG</b>			<b><u>9.865.524.212</u></b>	<b><u>6.478.203.286</u></b>
<b><i>Trả trước cho người bán ngắn hạn (Thuyết minh số 6.2)</i></b>				
Ông Trần Hùng Giang (*)	Thành viên Hội đồng Quản trị	Trả trước tiền đất	4.030.000.000	4.030.000.000
Ông Ngô Ngọc Hà (*)	Thành viên Hội đồng Quản trị	Trả trước tiền đất	2.990.000.000	2.990.000.000
Bà Nguyễn Thị Lệ Thủy (*)	Vợ ông Phan Chiến Thắng - Tổng Giám đốc	Trả trước tiền đất	5.980.000.000	5.980.000.000
<b>TỔNG CỘNG</b>			<b><u>13.000.000.000</u></b>	<b><u>13.000.000.000</u></b>

(\*) Đây là các khoản trả trước tiền đất theo Biên bản Thỏa thuận Hợp tác Đầu tư ngày 2 tháng 1 năm 2015 giữa Công ty và các bên liên quan trên.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**29. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)**

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau: (tiếp theo)

				<i>Đơn vị tính: VND</i>	
<b>Phải thu ngắn hạn khác (Thuyết minh số 8)</b>					
Công ty TNHH Giải pháp Phần mềm Elcom	Công ty con	Thu lợi nhuận	45.768.797.558	56.274.344.485	
Công ty Cổ phần Công nghệ Vật liệu mới Bắc Kạn	Công ty liên kết	Phải thu cho vay không lãi Lãi vay	3.281.000.000 408.885.279	3.881.000.000 408.885.279	
<b>TỔNG CỘNG</b>			<b>49.458.682.837</b>	<b>60.564.229.764</b>	
<b>Phải trả người bán ngắn hạn (Thuyết minh số 13.1)</b>					
Công ty TNHH Giải pháp Phần mềm Elcom	Công ty con	Mua phần mềm, hàng hóa	715.693.687	8.765.597.000	
Công ty Cổ phần Elcom Plus	Công ty con	Sử dụng dịch vụ	1.216.080.278	2.029.598.022	
<b>TỔNG CỘNG</b>			<b>1.931.773.965</b>	<b>10.795.195.022</b>	
<b>Người mua trả tiền trước ngắn hạn (Thuyết minh số 13.2)</b>					
Công ty Cổ phần Pan-Salad Bowl	Cùng thành viên HĐQT	Trả trước tiền hàng	-	7.921.879.043	
Công ty Cổ phần Pan Farm	Cùng thành viên HĐQT	Trả trước tiền hàng	-	1.038.063.474	
<b>TỔNG CỘNG</b>			<b>-</b>	<b>8.959.942.517</b>	

**Các giao dịch với các bên liên quan khác**

Thu nhập của các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc:

		<i>Đơn vị tính: VND</i>	
		<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Lương và thưởng		4.932.561.503	4.831.646.925
<b>TỔNG CỘNG</b>		<b>4.932.561.503</b>	<b>4.831.646.925</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**30. CÁC CAM KẾT VÀ CÁC KHOẢN NỢ TIỀM TÀNG**

***Cam kết thuê hoạt động***

Công ty hiện đang thuê văn phòng theo hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày 31 tháng 12 năm 2017, các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai theo các hợp đồng thuê văn phòng được trình bày như sau:

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Đến 1 năm	1.776.840.000	2.070.600.000
Từ 1 – 5 năm	2.852.815.333	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>4.629.655.333</u></b>	<b><u>2.070.600.000</u></b>

***Cam kết cho thuê hoạt động***

Công ty hiện đang cho thuê văn phòng theo hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày 31 tháng 12 năm 2017, các khoản tiền thuê tối thiểu trong tương lai theo hợp đồng cho thuê hoạt động được trình bày như sau:

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Đến 1 năm	5.731.863.904	4.413.768.560
Từ 1 – 5 năm	4.444.451.808	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>10.176.315.712</u></b>	<b><u>4.413.768.560</u></b>

***Các cam kết liên quan đến các khoản đầu tư, góp vốn***

<i>STT</i>	<i>Bên nhận đầu tư</i>	<i>Cam kết góp vốn của Công ty</i>	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
			<i>Số vốn thực góp</i>	<i>Số vốn chưa góp</i>
1	Dự án Trần Phú - Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Thăng Long Xanh	468.050.000.000	37.771.500.000	430.278.500.000
2	Công ty Cổ phần Atani Holdings	22.500.000.000	13.710.000.000	8.790.000.000
3	Công ty Cổ phần Phát triển Đông Dương Xanh	15.000.000.000	12.500.000.000	2.500.000.000
4	Công ty Cổ phần Công nghệ Vật liệu mới Bắc Kạn	6.968.000.000	6.260.740.000	707.260.000
5	Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Thăng Long Xanh	900.000.000	360.000.000	540.000.000
	<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>513.418.000.000</u></b>	<b><u>70.602.240.000</u></b>	<b><u>442.815.760.000</u></b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**31. TRÌNH BÀY LẠI DỮ LIỆU TƯƠNG ƯNG**

Một số khoản mục tương ứng trên báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 đã được phân loại lại cho phù hợp với cách trình bày của báo cáo tài chính riêng của năm nay. Chi tiết như sau:

	Ngày 31 tháng 12 năm 2016 (đã được trình bày trước đây)		Phân loại lại	Đơn vị tính: VND	
				Ngày 31 tháng 12 năm 2016 (phân loại lại)	
<b>BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG</b>					
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	6.204.557.842	(5.862.765.957)		341.791.885	
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	125.691.049.500	5.862.765.957		131.553.815.457	



**32. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN**

Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính riêng của Công ty.

Người lập  
Chu Hồng Hạnh

Kế toán trưởng  
Đặng Thị Thanh Minh



Tổng Giám đốc  
Phan Chiển Thắng

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 26 tháng 3 năm 2018

